

Số: 730/HD-CNTYTS

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 4 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Quy trình chăn nuôi heo an toàn sinh học, phòng chống bệnh dịch tả heo Châu Phi cho chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô vừa và nhỏ

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-BNN-CN ngày 02/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc đính chính Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-CN-GVN ngày 11/11/2021 của Cục Chăn nuôi về việc công nhận Quy trình chăn nuôi an toàn sinh học phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi cho trang trại quy mô vừa, nhỏ và chăn nuôi nông hộ,

Nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn heo trên địa bàn Tỉnh, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản hướng dẫn quy trình chăn nuôi heo an toàn sinh học (ATSH) và phòng, chống bệnh dịch tả heo Châu Phi (DTHCP) áp dụng cho chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ, trang trại quy mô vừa, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

Hướng dẫn quy trình chăn nuôi heo ATSH và phòng, chống bệnh DTHCP cho hộ chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ, nhằm chủ động trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát dịch bệnh xâm nhập vào trong chuồng trại, không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng, hạn chế rủi ro cho người chăn nuôi hướng đến ổn định sản xuất và phát triển chăn nuôi bền vững.

II. YÊU CẦU:

Các địa phương chủ động triển khai thực hiện nghiêm các hướng dẫn trong quy trình về chăn nuôi an toàn sinh học; đồng thời thực hiện có hiệu quả kế hoạch tái đàn heo và công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn Tỉnh⁽¹⁾,

⁽¹⁾ Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 06/4/2020 về tái đàn gắn với tái cơ cấu chăn nuôi heo sau dịch bệnh Dịch tả

Chủ động phối hợp với các đơn vị chuyên môn, kiểm soát tốt dịch bệnh, triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi và xử lý nghiêm các trường hợp chăn nuôi không an toàn, làm phát sinh dịch bệnh.

Thực hiện tốt Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN:

1. Điều kiện cơ sở chăn nuôi:

a. Chăn nuôi nông hộ phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người.

Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi.

Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

Hộ chăn nuôi phải kê khai hoạt động chăn nuôi với chính quyền cấp xã theo quy định hiện hành của pháp luật chăn nuôi.

b. Chăn nuôi trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 53 của Luật Chăn nuôi;

Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi;

Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi;

Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi;

Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

Trại chăn nuôi phải kê khai hoạt động chăn nuôi với chính quyền cấp xã

theo quy định hiện hành của pháp luật chăn nuôi.

Quy định khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại, cụ thể như sau:

- Nguyên tắc xác định khoảng cách trong chăn nuôi trang trại: Nguyên tắc xác định khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến tường rào hoặc ranh giới của đối tượng chịu ảnh hưởng; Nguyên tắc xác định khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến trang trại chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi của trang trại khác.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 100 mét; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 150 mét.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 200 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 300 mét.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét.

- Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét.

2. Chuồng trại và trang thiết bị:

Nơi xây dựng chuồng trại phải đủ nguồn nước, bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi và có biện pháp bảo vệ môi trường.

Trại chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh, nhằm kiểm soát người và các động vật khác ra vào trại.

Chuồng heo nên xây dựng tại địa điểm cao ráo, dễ thoát nước, dễ làm vệ sinh và đảm bảo luôn khô ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

Chuồng nuôi phải bố trí phù hợp với từng lứa tuổi của heo và mục đích nuôi. Nền chuồng làm bằng bê tông hoặc bằng vật liệu phù hợp, phải đảm bảo không trơn trượt và có rãnh thoát nước, có độ dốc từ 3-5%. Vách chuồng phải trơn (nhẵn), không có góc cạnh, đảm bảo heo không bị trầy xước khi cọ sát vào vách chuồng và dễ vệ sinh.

Phải bố trí hồ khử trùng hoặc máy phun khử trùng ở cổng ra, vào trại chăn nuôi, khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng.

Nên có khu vực vệ sinh, khử trùng, thay trang phục bảo hộ riêng (quần áo, giày, dép, ủng) cho người chăn nuôi và khách thăm quan đảm bảo cách biệt với khu chuồng nuôi heo.

Có khu nuôi cách ly đối với heo mới nhập về hoặc heo bệnh tách biệt với

khu chuồng khác.

Có khu vực thu gom và xử lý chất thải (nơi ủ phân, biogas) đảm bảo cách biệt với khu chuồng nuôi heo và phù hợp với điều kiện của từng hộ. Xây dựng đường thoát nước thải riêng cho từng ô chuồng vào đường thoát nước thải chung của chuồng nuôi. Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải phải đảm bảo kín và dễ thoát nước.

Có các khu vực phụ trợ như: bể chứa nước sạch, khu vực để thức ăn, thuốc thú y, hóa chất cách biệt với các khu chuồng nuôi heo và các khu vực khác, đảm bảo vệ sinh và khử trùng.

Sử dụng lưới hoặc bạt bao xung quanh chuồng nuôi để ngăn chặn côn trùng, động vật gây hại.

Mật độ nuôi phù hợp với từng lứa tuổi của heo và mục đích sản xuất, diện tích chuồng nuôi, cụ thể:

Đối với heo cái giống:

- Heo hậu bị: Tối thiểu 1,2 m²/con.

- Heo chờ phối và mang thai: Nên nuôi mỗi con 01 ô chuồng, tối thiểu 2 m²/con.

- Heo nái nuôi con: Nên nuôi mỗi con 01 ô chuồng, tối thiểu 4m²/con.

Đối với heo đực giống:

- Heo hậu bị: Nên nuôi mỗi con 01 ô chuồng, tối thiểu 2m²/con;

- Heo đực làm việc: Nên nuôi mỗi con 01 ô chuồng, tối thiểu 4 m²/con;

Đối với heo con sau cai sữa đến 30 kg: tối thiểu 0,42 m²/con.

Đối với heo thịt từ 30 kg đến xuất bán: tối thiểu 0,8 m²/con.

3. Thức ăn và nước uống:

Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, không bị hỏng, mốc, còn hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng và an toàn. Nên bổ sung chế phẩm sinh học trong thức ăn để tăng cường sức đề kháng cho heo.

Chất lượng thức ăn và hàm lượng dinh dưỡng theo chế độ dinh dưỡng của nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi (*Đính kèm chi tiết phụ lục 1*).

Nguồn nước cho chăn nuôi heo phải đảm bảo an toàn, đảm bảo vệ sinh, không bị nhiễm khuẩn, nhiễm tạp chất (*Đính kèm chi tiết phụ lục 2*).

4. Chăm sóc nuôi dưỡng:

a. Chọn heo để nuôi sinh sản:

Heo giống phải có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống. Cơ thể khỏe mạnh, tầm vóc cân đối, da và lông mượt, đầu và cổ kết hợp tốt, ngực rộng, mông và vai nở, bụng thon, chân thẳng và vững chắc, móng khít và đều. Heo cái có âm hộ cân đối, có số vú chẵn (12 vú trở lên), núm vú nổi rõ và cách đều nhau. Heo

được có dịch hoàn đều hai bên, nổi rõ, gọn và chắc. Heo thuần tính, dễ gần gũi để chăm sóc nuôi dưỡng.

Heo giống mới được nhập về nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, có đầy đủ lý lịch và an toàn dịch bệnh. Nên áp dụng phương thức nuôi "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên: cả khu, dãy chuồng, ô chuồng (nếu có điều kiện).

Tinh heo phải đảm bảo có nguồn gốc rõ ràng, được khai thác từ những heo được giống khoẻ mạnh, đạt tiêu chuẩn giống, có đầy đủ lý lịch và các hồ sơ quản lý giống theo đúng quy định.

b. Chăm sóc nuôi dưỡng heo con từ sau cai sữa đến 30 kg:

Heo mới mua về nên được phân loại theo khối lượng và tình trạng sức khỏe. Nên đảm bảo cho heo trong cùng một ô phải đồng đều khối lượng.

Nhiệt độ thích hợp cho heo con sau cai sữa từ 25-27⁰C. Nhiệt độ chuồng nuôi phù hợp khi toàn bộ heo nằm rải đều ô chuồng, không có biểu hiện thở gấp; điều chỉnh bạt và đèn sưởi phù hợp với trạng thái của heo. Độ ẩm chuồng nuôi phù hợp từ 50-80%.

Chế độ cho ăn: Heo con sau cai sữa được cho ăn tự do có kiểm soát, nếu có biểu hiện tiêu chảy thì cần phải giảm lượng thức ăn.

Trong 5 ngày đầu sau cai sữa tiếp tục cho ăn thức ăn tập ăn. Từ ngày thứ 6, bắt đầu chuyển dần sang thức ăn cho heo con sau cai sữa theo như sau: ngày thứ 1 (75 % thức ăn tập ăn + 25% thức ăn sau cai sữa); ngày thứ 2 (50 % thức ăn tập ăn + 50% thức ăn sau cai sữa); ngày thứ 3 (25 % thức ăn tập ăn + 75% thức ăn sau cai sữa); Ngày thứ 4 (100% thức ăn sau cai sữa). Khi heo khoảng 60 ngày tuổi, sử dụng thức ăn cho heo choai. Cho heo ăn hai bữa/ngày vào đầu giờ làm việc buổi sáng và buổi chiều.

c. Chăm sóc nuôi dưỡng heo cái giống:

i) Chăm sóc nuôi dưỡng heo hậu bị:

Nhiệt độ chuồng nuôi thích hợp cho heo từ 25-27⁰C. Quan sát và điều chỉnh đèn sưởi phù hợp với trạng thái của heo. Độ ẩm phù hợp từ 50 – 80%.

Chế độ cho ăn: Cho ăn tự do thức ăn của heo hậu bị.

Phải theo dõi diễn biến động dục của heo cái hậu bị từ 150 ngày tuổi.

Theo dõi các chỉ tiêu: Tăng khối lượng, độ dày mỡ lưng. Những cá thể được chọn phải đạt tiêu chuẩn giống.

ii) Chăm sóc nuôi dưỡng heo chờ phối:

Nhiệt độ trong chuồng nuôi thích hợp từ 20-25⁰C, thời gian chiếu sáng 12-14 giờ/ngày; độ ẩm phù hợp từ 50-80%.

Hàng ngày, tiến hành theo dõi biểu hiện động dục ở heo.

Hướng dẫn loại thải: Heo cái hậu bị trên 9 tháng tuổi; Heo đã phối 3 lần không có thai; Heo nái sảy thai 2 lần liên tiếp; Heo nái 30 ngày sau cai sữa

không động dục; Heo nái đẻ từ 8 lứa trở lên; Heo nái có vấn đề về sức khỏe; Những heo nái có năng suất không đạt yêu cầu.

Chế độ cho ăn:

- Đối với heo nái chờ phối: Ngày cai sữa không cho ăn; từ ngày thứ 2 đến ngày phối giống cho ăn 2,5-3,0 kg/con/ngày. Nếu >10 ngày sau cai sữa mà heo không động dục cho ăn 2,2 kg/con/ngày. Cho heo ăn 01 bữa/ngày.

- Đối với heo cái hậu bị chờ phối: cho ăn 01 bữa/ngày với mức 2,0-2,5 kg/con/ngày đến khi phối giống.

d. Kỹ thuật phối giống cho heo nái:

i) Phối giống trực tiếp:

Heo đực và cái phải khoẻ mạnh trước khi phối giống. Với những con đực chỉ cho nhảy trực tiếp, bắt buộc phải lấy tinh kiểm tra chất lượng tinh dịch 1 lần/tháng.

Trước khi phối giống, bộ phận sinh dục của cả con đực và con cái phải được vệ sinh sạch sẽ.

Quá trình phối giống trực tiếp, người phối giống phải luôn có mặt để theo dõi và can thiệp kịp thời khi cần thiết.

Phải tiến hành phối lặp lại ít nhất 2 lần. Nếu phối vào buổi sáng thì sẽ phối lặp vào buổi chiều, nếu phối vào buổi chiều thì sẽ phối lặp lại vào sáng hôm sau. Nếu heo vẫn còn mê ý phải phối lặp lại đến lần 3.

Nên đánh dấu heo đã phối giống bằng mực màu và ghi chép đầy đủ vào sổ sách theo dõi.

ii) Gieo tinh nhân tạo:

Dụng cụ phối giống phải được đảm bảo kỹ thuật và vô trùng trước khi sử dụng (không sử dụng hóa chất để khử trùng).

Với tinh dịch qua bảo quản, trước khi phối giống phải kiểm tra lại chất lượng tinh.

Vệ sinh sạch âm hộ và vùng xung quanh bằng khăn, vải mềm.

Rửa sạch tay. Kích thích heo từ 3-5 phút trước khi dẫn tinh: ấn lên lưng, chà sát nhẹ vùng bụng sau, kích thích âm hộ.

Bôi trơn tinh quản bằng gel chuyên dụng hoặc tinh dịch trước khi đưa vào đường sinh dục con cái. Tinh quản được đưa từ từ vào đường sinh dục con cái và xoắn theo chiều từ phải sang trái. Khi đầu tinh quản đã nằm trong cổ tử cung, để yên 1 phút trước khi bắt đầu bơm tinh.

Lấy túi tinh từ hộp bảo quản (lưu ý tránh không để nhiệt độ trong hộp bảo quản thay đổi nhiều và tránh ánh nắng mặt trời); kiểm tra lại liều tinh có phải của con đực đã chọn không; đảo nhẹ túi tinh và gắn túi tinh vào dẫn tinh quản; kiểm tra độ “khóa” một lần nữa; cho tinh dịch tự chảy vào mà không được dùng áp lực.

Trong suốt thời gian phối giống, cần tiếp tục kích thích cho heo bằng cách ngòi lên lưng và chà sát hai bên hông sườn, kích thích âm vật để tăng cường sự co bóp của dạ con và heo đạt được độ mê ý sâu và tiết nhiều dịch.

Sau khi đã dẫn hết lượng tinh trong túi, việc kích thích vẫn nên tiếp tục vài phút. Tinh quản cần phải lưu lại trong đường sinh dục của con nái từ 3 - 5 phút (đầu ngoài của tinh quản phải cao hơn lưng heo) trước khi rút tinh quản ra ngoài để tránh trường hợp tinh dịch chảy ngược ra.

Xoay nhẹ dẫn tinh quản theo chiều kim đồng hồ để lấy dẫn tinh quản ra.

Lưu ý: Khi heo đã được kích thích tốt, quá trình dẫn tinh nên để tinh dịch tự chảy (trong trường hợp cần thiết có thể bóp nhẹ lộ tinh cho tinh dịch chảy vào); Nếu dẫn tinh quản không đủ sâu hoặc dẫn tinh viên quá vội vàng dẫn tinh nhanh, tinh dịch có thể bị đẩy ra. Biện pháp khắc phục là hạ thấp túi đựng tinh (lộ tinh) xuống, tạm ngừng và đợi 1-2 phút rồi dẫn tinh tiếp khi heo không còn biểu hiện đẩy tinh dịch ra.

e. Chăm sóc heo nái mang thai:

Nhiệt độ trong chuồng thích hợp đạt 20-25⁰C; độ ẩm phù hợp từ 50-80%; thời gian chiếu sáng từ 14-16 giờ/ngày.

Tiến hành kiểm tra heo mang thai bằng cách quan sát biểu hiện động dục bên ngoài: lần 1 vào ngày thứ 18-24 và lần 2 vào ngày thứ 38-42 sau phối giống.

Heo mang thai được chuyển sang chuồng đẻ trước ngày đẻ dự kiến từ 5-ngày.

Chế độ cho ăn: Cần đánh giá thể trạng heo nái hàng tuần để điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp (*Xem phụ lục 3*).

Lưu ý: Khẩu phần phải đảm bảo rau xanh cho heo nái từ 30-40% tại giai đoạn thai kỳ I và 20% tại giai đoạn thai kỳ II.

f. Chăm sóc heo nái nuôi con:

i) Trục, đỡ đẻ cho heo nái:

Heo đẻ ra trong bọc hoặc ngạt thở, phải xé rách bọc, lau dịch ối và hô hấp nhân tạo kịp thời.

Khoảng 30 phút từ khi heo vỡ ối hoặc đẻ con gần nhất mà không thấy heo đẻ tiếp hoặc ra nhau thì phải can thiệp. Trường hợp đặc biệt phải gọi cán bộ thú y để xử lý.

Heo con sơ sinh phải được cho bú sữa đầu càng sớm càng tốt.

Heo con nên được bấm răng, cắt đuôi, tiêm sát trong vòng 24 giờ đầu kể từ khi sinh.

Nhiệt độ úm: tuần thứ 1 từ 30-34⁰C; tuần thứ 2 từ 28-30⁰C; tuần thứ 3 đến cai sữa 27-28⁰C. Độ ẩm tốt nhất khoảng 60%. Sử dụng đèn hồng ngoại để úm heo con.

Nhiệt độ cần thiết cho heo con cần được điều chỉnh kịp thời thông qua việc

quan sát các hoạt động của heo con: Nếu nhiệt độ thích hợp, heo con sẽ nằm thoải mái và rải rác đều; Nếu nhiệt độ cao quá, heo con nằm tản mát tránh xa bóng đèn hoặc lò sưởi; Nếu bị lạnh, heo con sẽ nằm tụm lại, nằm chồng lên nhau hoặc nằm trên mình heo mẹ, nếu không đủ ấm heo con sẽ bị run rẩy và xù lông.

ii) Chuyển ghép heo con:

Chuyển ghép một số heo con từ các nái đẻ nhiều sang nái đẻ ít; từ nái mất sữa, nái ít con sang các nái khác để giải phóng heo mẹ.

Khi chuyển ghép cần lưu ý các yêu cầu sau: Heo con chuyển đến có ngày đẻ tương đương hoặc cách nhau 1-3 ngày. Khối lượng heo con chuyển đến tương đương heo trong ổ; Thời gian ghép càng sớm càng tốt, tránh heo mẹ cắn hoặc không cho bú.

iii) Tập ăn sớm cho heo con:

Khi heo con được 5-7 ngày tuổi với heo ngoại hoặc 15-20 ngày tuổi với heo nội thì cho tập ăn bằng thức ăn tập ăn; cho ăn 5-6 lần/ngày; đảm bảo trong máng luôn có thức ăn sạch, giữ được mùi vị; những ngày đầu nên cho ít thức ăn để heo làm quen và nhận biết thức ăn, những ngày sau tùy theo khả năng thu nhận để tăng dần lượng thức ăn.

iv) Thiến heo:

Tiến hành thiến heo đực khi heo đạt 7-10 ngày tuổi

v) Cai sữa:

Cai sữa heo con khi heo đạt 21-28 ngày tuổi.

vi) Chế độ ăn cho heo nái:

Cho nái ăn tự do theo nhu cầu từ ngày đẻ với 3-4 bữa/ngày, nái ăn được càng nhiều càng tốt. Tuy nhiên, lưu ý những ngày đầu tiên nái thường ăn ít, vì vậy chú ý điều chỉnh lượng thức ăn phù hợp để tránh lãng phí. Lượng thức ăn cho heo ăn như sau:

- Ngày heo đẻ: Không cho heo nái ăn, cho uống nước tự do.
- Ngày nuôi thứ nhất: Cho ăn 1 kg/nái/ngày.
- Ngày nuôi thứ hai: Cho ăn 1,8-2,0 kg/nái/ngày.
- Ngày nuôi thứ ba: Cho ăn 2,2-2,5 kg/nái/ngày.
- Ngày nuôi thứ tư đến thứ bảy: Cho ăn 2,2-2,7 kg/nái/ngày.
- Từ ngày thứ 7 trở đi: Cho ăn 2,4-3,0 kg/nái/ngày tùy theo khối lượng heo mẹ và số lượng heo con theo mẹ.

- Heo nái nuôi con cần 20 - 40% giá trị dinh dưỡng bằng thức ăn xanh và củ quả. Trước khi cai sữa 2 ngày nên giảm mức ăn của heo nái nội xuống 2kg/ngày, ngày cai sữa không cho heo mẹ ăn chỉ cho uống nước, để tránh tình trạng sốt sữa.

g. Chăm sóc nuôi dưỡng heo đực giống:

i) Heo đực hậu bị:

Nhiệt độ thích hợp cho heo con từ 25-27⁰C. Quan sát và điều chỉnh đèn sưởi phù hợp với trạng thái của heo. Độ ẩm chuồng nuôi phù hợp từ 50 – 80%.

Heo đực cho được ăn tự do, sử dụng thức ăn dành cho heo hậu bị.

Khi khối lượng cơ thể đạt 100 kg phải được đánh giá thông qua các chỉ tiêu theo dõi về sinh trưởng theo tiêu chuẩn giống. Những cá thể đạt yêu cầu về ngoại hình và khả năng sinh trưởng được huấn luyện nhảy giá để khai thác tinh dịch hoặc có thể sử dụng để nhảy phối giống trực tiếp.

ii) Huấn luyện heo đực nhảy giá:

Độ tuổi: Huấn luyện heo đực nhảy giá được tiến hành đối với heo đực hậu bị từ 6 - 7 tháng tuổi.

Chuẩn bị giá nhảy: Giá nhảy cho heo đực có thể được làm bằng gỗ hoặc xi măng, cố định hoặc di động. Giá nhảy đặt ở một khu vực riêng, yên tĩnh.

Các bước huấn luyện:

- Cho heo đực làm quen với khu huấn luyện và giá nhảy
- Tạo phản xạ và kích thích tính hăng cho heo bằng tiếng động, xoa bóp hoặc cho heo tập sự xem con khác nhảy giá. Khi heo đực đã đi quanh giá nhảy, người huấn luyện tạo những âm thanh kích thích tính ham muốn nhảy lên giá của con đực, hay làm những động tác cưỡng ép đực lên giá nhảy.
- Khi heo đực đã có phản ứng ham muốn thì đưa con cái lên trên giá nhảy hoặc nhốt phía dưới giá và tiếp tục làm những động tác hay tạo những âm thanh kích thích tính ham muốn nhảy lên giá của con đực. Sau khi heo đực đã quen nhảy giá và lấy được tinh thì những lần sau hạn chế dùng heo cái làm môi.
- Thời gian tập luyện cho heo mỗi ngày ít nhất 1 lần, mỗi lần ít nhất là 15 phút, nếu thời tiết mát và heo có sức khoẻ tốt thì buổi chiều huấn luyện tiếp 15 phút.

Lưu ý: Không cho heo ăn no trước khi huấn luyện và tuyệt đối không đối xử thô bạo với heo. Tùy từng cá thể, thời gian huấn luyện nhanh chậm khác nhau, thông thường sau 2-4 tuần heo sẽ thành thạo.

iii) Heo đực làm việc:

Đảm bảo chuồng nuôi luôn khô ráo, thoáng mát: Nhiệt độ thích hợp 21-25⁰C; độ ẩm phù hợp từ 50-80%.

Định kỳ hàng tháng tiêm vitamin A, D, E cho heo đực đang khai thác.

Hàng ngày tắm rửa, vệ sinh heo, chuồng heo.

Kiểm tra tình trạng sức khỏe của heo đực trước khi khai thác tinh dịch hoặc cho nhảy phối giống.

Với đực từ 8 - 12 tháng tuổi: Khai thác 4 ngày 1 lần.

Với đực trên 12 tháng tuổi: Khai thác 3 ngày 1 lần.

Heo đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp không nên quá ba lần/tuần.

Không sử dụng heo đực đang trong giai đoạn điều trị bệnh.

Không tắm cho heo đực hoặc cho heo đực ăn ngay sau khi mới đi phối giống về hoặc vừa khai thác tinh xong (ít nhất sau 30 phút mới cho ăn hoặc tắm).

Chế độ cho ăn: Heo đực cho ăn từ 2,2-3,0 kg (tùy thuộc vào mùa vụ, thể trạng và lượng thức ăn thực tế của từng con đực để điều chỉnh tăng hoặc giảm khẩu phần ăn phù hợp). Loại thức ăn sử dụng là thức ăn cho heo đực ăn 01 bữa/ngày vào đầu giờ làm việc buổi sáng. Không cho ăn no trước khi khai thác.

h. Chăm sóc, nuôi dưỡng heo thịt (từ 30 kg đến xuất bán):

Heo mới nhập cần được phân loại theo tính biệt, khối lượng heo và tình trạng sức khỏe. Nên đảm bảo cho heo trong cùng một ô phải đồng đều khối lượng và nên áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" nếu có điều kiện.

Nhiệt độ thích hợp cho heo từ 25-27⁰C. Độ ẩm chuồng nuôi phù hợp từ 50-80%.

Chế độ cho ăn: Cho ăn tự do đúng với tiêu chuẩn và khẩu phần. Cho heo ăn hai bữa/ngày vào đầu giờ làm việc buổi sáng và buổi chiều.

Lưu ý: Không thay đổi khẩu phần ăn một cách đột ngột. Không sử dụng thức ăn thừa trong máng ăn của đàn heo đã xuất chuồng và thức ăn của đàn heo đã bị dịch bệnh cho đàn heo mới. Nếu sử dụng thức ăn tận dụng lấy từ nhà hàng hoặc từ bên ngoài phải xử lý nhiệt trước khi sử dụng cho heo ăn. được Thường xuyên theo dõi, ghi chép tình trạng sức khỏe và khả năng ăn vào và phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

5. Thú y:

a. Kiểm soát người và động vật:

Hạn chế tối đa người ngoài ra, vào trang trại chăn nuôi. Người trước khi vào khu chăn nuôi phải được cách ly ít nhất 72 tiếng, phải tắm gội, thay quần áo, giày dép và mặc quần áo, dụng cụ bảo hộ của trại; trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng, khi di chuyển trong trại theo nguyên tắc từ chuồng heo nhỏ đến chuồng heo lớn (heo nái nuôi con, heo cai sữa, heo nái chữa, heo thịt ...) và từ chuồng heo khỏe đến chuồng heo bệnh.

Trước và sau khi vào, ra chuồng nuôi heo nên thay ủng, khử trùng tay.

Ngay sau khi khách rời khỏi chuồng nuôi, phải phun thuốc khử trùng khu vực chuồng nuôi với nồng độ cao gấp 2-3 lần so với quy trình thông thường.

Không mua/mang thịt heo sống và các sản phẩm liên quan đến thịt heo chưa được nấu chín từ bên ngoài vào trang trại, đặc biệt trong giai đoạn xảy ra dịch bệnh trên đàn heo ở các khu vực lân cận.

Không nên nuôi gia súc, gia cầm khác trong trang trại. Không cho động vật nuôi khác (chó, mèo, thú cưng) xâm nhập trại và khu vực chăn nuôi.

b. Nguyên tắc vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong chăn nuôi:

Người thực hiện khử trùng tiêu độc phải sử dụng bảo hộ lao động phù hợp;

Sử dụng loại hóa chất khử trùng ít độc hại đối với người, vật nuôi, môi trường; phải phù hợp với đối tượng khử trùng tiêu độc; có tính khử trùng nhanh, mạnh, kéo dài, hoạt phổ rộng, tiêu diệt được nhiều loại mầm bệnh;

Trước khi phun hóa chất khử trùng phải làm sạch đối tượng khử trùng tiêu độc bằng biện pháp cơ học (quét dọn, cạo, cọ rửa);

Pha chế và sử dụng hóa chất khử trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, bảo đảm pha đúng nồng độ, phun đúng tỷ lệ trên một đơn vị diện tích.

c. Trước khi chăn nuôi:

Đảm bảo chuồng nuôi, hệ thống máng ăn, bạt che, trần nhà được vệ sinh, tiêu độc, khử trùng nghiêm ngặt và cách ly tối thiểu 3 ngày trước khi nhập heo.

Phun khử trùng tại công bằng hóa chất đối với tất cả các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi và các loại thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm được đóng gói trong bao bì kín không ngấm nước, trước khi đưa vào trại. Sau ít nhất 30 phút mới đưa vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ. Sau ít nhất 48 giờ mới đưa vào sử dụng trong chăn nuôi. Sau mỗi lần sử dụng nên tiến hành rửa sạch bằng nước, để khô và phun thuốc khử trùng trước khi cất vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ.

d. Trong quá trình chăn nuôi:

Hóa chất khử trùng tại các hồ khử trùng hoặc hệ thống phun khử trùng ở công ra vào khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải được bổ sung hoặc thay hàng ngày, cần thay đổi các loại hóa chất khử trùng khác nhau để tăng hiệu quả khử trùng.

Định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh khu chăn nuôi, chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tuần; phun thuốc khử trùng trong chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh và ít nhất 2 lần/tuần khi có dịch bệnh; phun thuốc khử trùng trên heo ít nhất 2 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch khử trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Diệt ruồi, muỗi và chuột trong và ngoài chuồng nuôi: Nên sử dụng thuốc phun diệt ruồi muỗi định kỳ 3 tháng/1 lần. Sử dụng thuốc diệt chuột định kỳ 3 tháng/1 lần và tại các chuồng sau khi đã chuyển hết heo. Diệt ruồi, muỗi và chuột bổ sung giữa các đợt khi có ruồi, muỗi, chuột phát sinh trong và ngoài chuồng nuôi.

Đối với nguồn nước sử dụng trong chăn nuôi heo, nên dùng Chlorine với liều 5-10 ppm để xử lý nước ít nhất 2 giờ trước khi sử dụng cho heo – cách pha cụ thể theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Nên định kỳ kiểm tra chất lượng nước sử dụng tại đầu vào và đầu ra của nguồn nước.

Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ít nhất 2 lần/tháng.

Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày.

Vệ sinh, khử trùng thường xuyên đồ bảo hộ và các dụng cụ chăn nuôi thú y sau khi sử dụng (nếu có), gồm:

- Đồ bảo hộ, quần áo, khăn lau, thảm đỡ đẻ ...: Nên ngâm thuốc hóa chất khử trùng trong vòng 60 phút, sau đó giặt sạch với xà phòng/nước giặt bằng nước ấm trên 65⁰C và để khô trước khi đưa vào bảo quản và sử dụng.

- Panh kẹp, kéo, kiềm thú y...: Trong quá trình sử dụng phải luôn ngâm với hóa chất khử trùng. Sau khi sử dụng, rửa bằng nước sạch và phơi khô.

- Kim tiêm và xi lanh (loại sử dụng nhiều lần): Sau khi sử dụng phải tháo rời, rửa sạch và luộc/hấp tiệt trùng.

- Một số dụng cụ khác như nhiệt kế...: Khử trùng bằng cồn 70 độ.

e. Sau khi chăn nuôi:

Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi đưa heo mới vào nuôi.

Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng trong trường hợp không xảy ra bệnh DTHCP gồm các bước thực hiện như sau:

- Bước 1: Quét dọn sạch sẽ các chất bẩn trong chuồng nuôi heo.

- Bước 2: Sử dụng nước pha hóa chất tẩy rửa (hoặc sản phẩm tẩy rửa dạng bột) phun toàn bộ chuồng nuôi heo.

- Bước 3: Sau 30 phút, sử dụng nước sạch rửa sạch chuồng nuôi heo (nên sử dụng vòi phun rửa có áp lực cao).

- Bước 4: Để khô ráo hoàn toàn chuồng nuôi heo nhằm tránh làm loãng chất khử trùng.

- Bước 5: Phun thuốc khử trùng toàn bộ chuồng nuôi heo (khử trùng mọi bề mặt của chuồng nuôi heo để giảm tối đa mầm bệnh).

- Bước 6: Sau 24 giờ, rửa chuồng bằng nước sạch (nên sử dụng vòi phun rửa có áp lực cao).

- Bước 7: Để khô ráo hoàn toàn chuồng nuôi heo trước khi nhập heo mới vào.

- Bước 8: Lấy mẫu các bề mặt trong chuồng để kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh theo quy định (nếu có điều kiện).

Đối với các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi sau mỗi đợt nuôi cần thực hiện như sau:

- Dụng cụ chăn nuôi như: máng ăn, núm uống, lồng úm ...: Tháo rời các bộ phận, rửa bằng nước sạch với áp lực cao, vệ sinh sạch các chất hữu cơ bằng chất tẩy rửa, ngâm hóa chất khử trùng trong 60 phút, rửa lại bằng nước sạch và phơi khô.

- Dụng cụ bằng gỗ, nhựa như: ván úm, bạt phủ ...: Rửa sạch bằng nước với áp lực cao và phơi khô. Ngâm thuốc hóa chất khử trùng trong 60 phút và rửa lại bằng nước sạch, sau đó làm khô dụng cụ.

- Hệ thống chứa và dẫn nước: Nên vệ sinh sạch toàn bộ hệ thống chứa và dẫn nước. Thực hiện ngâm toàn bộ hệ thống chứa và dẫn nước cho heo sử dụng với dung dịch khử trùng trong 12 giờ, sau đó súc xả bằng nước sạch.

- Các thiết bị điện, quạt, máy bơm, mô tơ...: Tháo rời và vệ sinh sạch sẽ các bộ phận. Khử trùng bằng hóa chất phù hợp không ăn mòn thiết bị.

Trong trường hợp xảy ra bị bệnh DTHCP, nên để trống chuồng ít nhất 30 ngày và được sự đồng ý của chính quyền địa phương trước khi tái đàn. Các biện pháp vệ sinh, tiêu độc, khử trùng trong trường hợp xảy ra dịch bệnh DTHCP như sau:

- Không rửa ngay ô chuồng hoặc chuồng heo bị bệnh, tiến hành che bạt, bao vây kín, phun chất khử trùng đậm gấp 2 lần bình thường liên tục 3-4 ngày. Hạn chế tối đa sử dụng nước để rửa chuồng nuôi heo bị bệnh nhằm tránh lây lan mầm bệnh.

- Dọn dẹp sạch sẽ chất thải và thu gom tập trung để xử lý ngay bằng nhiệt hoặc bằng hóa chất (nên đốt hoặc chôn nếu điều kiện cho phép). Không được để chất thải làm ô nhiễm sang các khu vực khác của trang trại.

- Tiêu hủy toàn bộ thức ăn, thực phẩm, sản phẩm động vật, vật dụng đồ dùng sử dụng 1 lần ... liên quan khu chuồng nuôi xảy ra dịch bệnh bằng cách đốt.

- Khử trùng lại toàn bộ khu chuồng nuôi heo bị bệnh bằng một trong các loại thuốc/hóa chất khử trùng diệt virus DTHCP có hiệu quả cao như: nước Javen, Vikon S, Benkocid... trong thời 3-4 ngày, mỗi ngày 1 lần. Nếu có điều kiện, nên tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng vệ sinh chuồng nuôi.

- Khử trùng, tiêu độc bằng phương pháp phù hợp toàn bộ trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi và các vật dụng có liên quan đến khu vực chuồng trại có heo bị nhiễm bệnh DTHCP.

- Xử lý nước trong ao hồ, bể Biogas (nếu có) bằng các hóa chất phù hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc bằng vôi với liều 1%.

- Đối với hệ thống thu gom phân (nếu có): Trước khi được chuyển ra ngoài chất thải phải được lưu trữ ít nhất 60 ngày tính từ ngày cuối cùng lây nhiễm mầm bệnh hoặc tính từ ngày phát hiện mầm bệnh. Trong thời gian này, không được bổ sung chất thải mới vào hệ thống thu gom đang lưu trữ phân nhiễm mầm bệnh.

- Các dãy chuồng/ô chuồng có heo không bị bệnh (nếu có và được cơ quan quản lý nhà nước cho phép) phải được che kín bằng bạt hoặc các vật liệu khác, đồng thời thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp ATSH để bảo vệ sức khỏe đàn heo.

- Người chăm sóc liên quan đến khu vực chuồng trại có heo bị nhiễm bệnh DTHCP phải tắm gội, khử trùng và cách ly ít nhất 48 giờ trước khi tiếp tục công việc chăm sóc, nuôi dưỡng đàn heo khỏe.

- Trước khi tái đàn, thực hiện lại các bước vệ sinh, khử trùng từ bước 2 đến bước 8 như trong trường hợp không xảy ra bệnh DTHCP nêu ở trên.

- Tái đàn heo từ từ theo từng giai đoạn. Giai đoạn 1 tái đàn 10% tổng đàn, sau khi nuôi 30 ngày tiến hành xét nghiệm virus DTHCP. Nếu kết quả xét nghiệm âm tính mới được tiếp tục tái đàn 100% tổng đàn heo (Giai đoạn 2).

f. Kiểm soát phương tiện vận chuyển:

Không để các phương tiện vận chuyển từ nơi khác đi thẳng vào trại nuôi heo. Đặc biệt, không để phương tiện vận chuyển của thương lái, phương tiện vận chuyển thức ăn đến khu vực nuôi heo. Phương tiện vận chuyển nên dừng ở bên ngoài trại để vệ sinh, khử trùng, tiêu độc 02 lần (cách nhau 30 phút) trước khi vào. Khi vào trang trại, các phương tiện vận chuyển từ nơi khác nên được bố trí dừng/đỗ ở khu vực riêng, cách xa chuồng nuôi heo và phải đảm bảo trên phương tiện không có động vật.

Phải vệ sinh, khử trùng, tiêu độc phương tiện vận chuyển trước và sau sử dụng. Không nên vận chuyển heo, thức ăn, chất thải hay vật dụng khác chung một phương tiện.

Việc vệ sinh tiêu độc khử trùng phương tiện vận chuyển động vật phải đảm bảo nguyên tắc như sau:

- Thực hiện làm sạch cơ học (quét dọn) trước khi tiêu độc khử trùng;
- Vệ sinh tiêu độc khử trùng phải được thực hiện từ cao xuống thấp, từ trong ra ngoài;
- Phải lựa chọn thuốc khử trùng có phổ kháng khuẩn rộng, phù hợp với đối tượng cần vệ sinh khử trùng và có trong danh mục thuốc khử trùng được phép sử dụng tại Việt Nam, thân thiện với môi trường;
- Sử dụng hóa chất/thuốc khử trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đúng nồng độ, liều lượng và thời gian tiếp xúc.

g. Xử lý chất thải chăn nuôi, xác heo chết:

Thu gom chất thải rắn hàng ngày, nên xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: ủ compost, công trình khí sinh học (Biogas), chế phẩm sinh học, đệm lót sinh học, xử lý bằng nhiệt hoặc các giải pháp khác trước khi sử dụng trong cơ sở chăn nuôi hoặc đưa ra khỏi cơ sở chăn nuôi theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Nước thải phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý bằng hệ thống riêng và tách biệt với nước mưa. Xử lý nước thải bằng một hoặc một nhóm các giải pháp sau: công trình khí sinh học, bể lắng, bể lọc, ao sinh học, chế phẩm sinh học hoặc các phương pháp khác đảm bảo hạn chế phát sinh mùi hôi, thối hoặc không chảy tràn ra môi trường xung quanh. Nước thải trước khi thải ra môi trường hoặc trước khi thải ra nguồn tiếp nhận nước thải phải đáp ứng theo quy định hiện hành của pháp luật.

Giảm thiểu phát thải khí trong quá trình chăn nuôi bằng cách vệ sinh chuồng trại thường xuyên và sử dụng các chế phẩm sinh học.

Giảm thiểu tiếng ồn (nếu có) bằng cách xây tường bao phù hợp, trồng cây xanh để không gây ảnh hưởng tới cộng đồng dân cư xung quanh.

Chất thải nếu có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại phải được thu gom và xử lý theo các quy định.

Trong trường hợp xử lý rác là xác động vật (heo, chim, chuột) nên sử dụng

găng tay y tế, găng tay cao su để đảm bảo an toàn. Heo chết phải xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

h. Phòng trừ dịch bệnh:

Tiêm phòng đầy đủ các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn heo theo đúng quy định và phù hợp với đặc điểm dịch tễ của từng địa phương (*Xem phụ lục 4*).

Heo bệnh nên được nuôi nhốt ở khu cách ly riêng. Không đưa heo bệnh xuất hoặc nhập trại trong mọi trường hợp.

Nên loại thải và tiêu hủy heo bị bệnh mãn tính, còi cọc, kém phát triển.

Khi heo bệnh: Chẩn đoán và điều trị bệnh cho heo cần được thực hiện bởi người có chuyên môn thú y. Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng toàn bộ bao bì, dụng cụ đựng thức ăn và các trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi thú y liên quan đến đàn heo bị dịch bệnh.

Thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng đàn heo khỏe trước và xử lý/thăm khám các con bị bệnh sau.

Khi có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra, phải tiến hành vệ sinh, tiêu độc, khử trùng tại chỗ ngay lập tức. Đồng thời, báo cáo kịp thời ho chính quyền địa phương và cơ quan thú y để có biện pháp xử lý khoanh vùng, bao vây, khống chế và dập dịch theo đúng các quy định của pháp luật.

i. Quản lý, ghi chép và kiểm tra định kỳ:

Nên có hồ sơ theo dõi đàn heo về dịch bệnh, nguyên nhân phát sinh, các loại thuốc phòng và điều trị; hồ sơ ghi chép, lưu trữ hồ sơ quản lý nguyên vật liệu, trang thiết bị, con giống, sức khỏe vật nuôi, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm.

Nên lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn heo và có quy trình phòng bệnh phù hợp.

Người chăn nuôi nên tham gia tập huấn định kỳ mỗi năm 1 lần về các quy trình chăn nuôi – thú y, ATSH, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

Nên tổ chức tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác ATSH định kỳ hàng tháng, hàng quý và hàng năm.

Nên xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật và đăng ký chứng nhận vệ sinh thú y cho trại chăn nuôi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản:

Giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn heo, chủ động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống dịch bệnh không để dịch bệnh lây lan rộng gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi.

Thực hiện nghiêm công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm

soát giết mổ, mua bán, vận chuyển gia súc đúng quy định hiện hành.

Làm đầu mối tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp, thống kê số liệu tổng đàn, tổng hợp thông tin, báo cáo kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, tham mưu Sở giải pháp xử lý kịp thời.

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, thành phố hướng dẫn chăn nuôi, quản lý tốt công tác giám sát dịch bệnh trên đàn vật nuôi tại địa phương.

2. Đề nghị Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, thành phố:

Triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh về triển khai các biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả heo Châu Phi tái phát và lây lan trên diện rộng; thực hiện các nội dung Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 06/4/2020 đảm bảo mục tiêu tái đàn heo gắn với tái cơ cấu chăn nuôi heo theo hướng giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ, chuyển sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, đáp ứng các điều kiện về an toàn sinh học, hướng đến phát triển chăn nuôi bền vững.

Triển khai thực hiện Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp về thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Triển khai hướng dẫn đến các tổ chức cá nhân có liên quan; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn heo, chủ động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống dịch bệnh không để dịch bệnh lây lan diện rộng.

Thực hiện thống kê tổng đàn vật nuôi định kỳ hàng tuần, hàng tháng theo Công văn số 2813/SNN-KHTC ngày 29/09/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về đề cương và biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Thực hiện thống kê tổng đàn vật nuôi định kỳ hàng quý theo Công văn số 1826/SNN-KHTC ngày 25/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Tháp về việc phối hợp thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn Tỉnh.

3. Đề nghị UBND xã, phường, thị trấn:

Tổ chức, thực hiện tuyên truyền và yêu cầu tổ chức, cá nhân chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi, cụ thể là:

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải kê khai hoạt động chăn nuôi với UBND xã, phường, thị trấn nơi cơ sở chăn nuôi đang hoạt động;

- Nội dung kê khai hoạt động chăn nuôi về loài vật nuôi, số lượng vật nuôi theo quy định tại Phụ lục 5 đính kèm.

- Thời gian thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi định kỳ từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối quý theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục 6 đính kèm.

4. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi có nghĩa vụ sau đây:

- Căn cứ nội dung hướng dẫn, chủ động áp dụng các biện pháp chăn nuôi heo ATSH; phòng, chống bệnh DTHCP bằng cách thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, vệ sinh thú y nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của mầm bệnh từ bên ngoài xâm nhập vào các cơ sở chăn nuôi và tiêu diệt mầm bệnh tồn tại ở bên trong cơ sở chăn nuôi.

- Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định nêu trên.
- Thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi.
- Xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Hướng dẫn quy trình chăn nuôi heo an toàn sinh học, phòng, chống bệnh dịch tả heo Châu Phi áp dụng cho chăn nuôi nông hộ và chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, trang trại quy mô vừa, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Đồng Tháp đề nghị Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo, khuyến cáo, hướng dẫn tổ chức áp dụng.

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT ĐT;
- Phòng KH-TC (Sở NN và PTNT ĐT);
- Phòng NN&PTNT/KT huyện, thành phố;
- Trung tâm DVNN huyện, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Tổ thú y H, TP;
- Lưu: VT, QLG, PB, Trạm.

CHI CỤC TRƯỞNG

Võ Bé Hiền

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giá trị dinh dưỡng thức ăn cho heo

TT	Tên chỉ tiêu	Heo nái chờ phối và mang thai	Heo nái nuôi con	Heo con tập ăn	Heo hậu bị	Heo đực làm việc	Heo từ cai sữa đến 30kg	Heo thịt	
								Heo choai	Vỡ béo
1	Độ ẩm (không lớn hơn) (%)	14	14	14	14	14	14	14	14
2	Năng lượng trao đổi (không nhỏ hơn) (Kcal/kg)	2.800	3.000	3.200	2.900	2.950	3.150	2.900	2.900
3	Hàm lượng protein thô (không nhỏ hơn) (%)	13	15	18	15	15	18,5	14	12
4	Hàm lượng xơ thô (không lớn hơn) (%)	8	6,5	2	6	7	5	6	8
5	Hàm lượng lysin tổng số (không nhỏ hơn) (%)	0,6	0,9	1,3	0,9	0,8	1,15	0,8	0,6
6	Hàm lượng metionin (không nhỏ hơn) (%)	0,13	0,2	0,3	0,2	0,2	0,2	0,2	0,15
7	Hàm lượng metionin + xystin (không nhỏ hơn) (%)	0,35	0,4	0,6	0,6	0,4	0,7	0,4	0,3
8	Hàm lượng canxi (trong khoảng) (%)	0,75-1,05	0,75-1,05	0,80-1,1	0,75-1	0,75-1	0,60-0,95	0,50-0,9	0,50-0,9
9	Hàm lượng phospho tổng số (không nhỏ hơn) (%)	0,6	0,6	0,65	0,6	0,6	0,5	0,5	0,4

Phụ lục 2: Nhu cầu nước uống cho heo

TT	Loại heo	Nhu cầu nước uống (lít/con/ngày)
1	Heo cái giống	
1.1	Heo hậu bị	5 - 8
1.2	Heo chờ phối	10 - 15
1.3	Heo mang thai	11 - 25
1.4	Heo nái nuôi con	20 - 35
2	Heo đực giống	
2.1	Heo hậu bị	5-8
2.2	Heo đực làm việc	20 - 25
3	Heo con sau cai sữa đến 30 kg	2-3
4	Heo thịt (từ 30 kg đến xuất bán)	5-8

Phụ lục 3: Lượng thức ăn theo thể trạng heo nái (kg/con/ngày)

Giai đoạn chữa	Thể trạng heo nái		
	Gầy	Bình thường	Béo
Kỳ I: Từ ngày 01 ngày đến 84 ngày	2,4-2,8	2,0-2,4	1,8-2,0
Kỳ II: Từ ngày thứ 85 đến ngày có biểu hiện đẻ	2,8-3,0	2,4-2,8	2,2-2,4
Ngày có biểu hiện đẻ	2,0	2,0	2,0

Phụ lục 4: Lịch phòng bệnh cho heo (tham khảo)

TT	Loại vắc xin, hóa dược cần tiêm	Thời gian
1	Tiêm Sắt	1-3 ngày tuổi
2	Tiêm vitamin ADE	Định kỳ hàng tháng với heo đực làm việc
3	Vắc xin phòng bệnh Cầu trùng heo	3-4 ngày tuổi
4	Vắc xin phòng bệnh Suyễn heo	Lần 1: 7-10 ngày tuổi; Lần 2: 15-21 ngày tuổi
5	Vắc xin phòng "Hội chứng tiêu chảy cấp, viêm dạ dày ruột" ở heo	12 ngày tuổi
6	Vắc xin phòng các bệnh E.coli sung phù đầu, phó thương hàn, viêm ruột tiêu chảy ở heo	18 ngày tuổi
9	Vắc xin phòng bệnh Tai xanh ở heo (Hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản – PRRS)	- Lần 1: 14 ngày tuổi; Lần 2: 28-30 ngày tuổi - 6,0-7,0 tháng tuổi với heo hậu bị - Định kỳ 4 tháng tiêm nhắc lại 1 lần với heo nái mang thai, heo đực làm việc
10	Vắc xin phòng bệnh Dịch tả heo cổ điển	- Lần 1: 28-32 ngày tuổi; Lần 2: 50-54 ngày tuổi - 6,5-7,0 tháng tuổi với heo hậu bị - 12-14 ngày sau khi đẻ với heo nái nuôi con - Định kỳ tháng 3 và tháng 9 hàng năm với heo đực làm việc
11	Vắc xin phòng bệnh Circovirus ở heo (Hội chứng còi cọc, viêm da, viêm thận – PCV)	- 30-35 ngày tuổi - 14- 21 ngày trước khi đẻ với heo nái
12	Vắc xin phòng các bệnh Viêm phổi phức hợp, phổi dính sườn; Liên cầu khuẩn heo	30 ngày tuổi
13	Vắc xin phòng bệnh Lở mồm long móng ở heo	- 50-54 ngày tuổi - 6,5-7,0 tháng tuổi với heo hậu bị - 17-19 ngày sau khi đẻ với heo nái nuôi con - Định kỳ tháng 3 và tháng 9 hàng năm với heo đực làm việc
14	Vắc xin phòng bệnh Tụ huyết trùng heo, Đóng dấu heo	61-65 ngày tuổi
15	Vắc xin phòng bệnh xây thai do Parvovirus, bệnh Đóng dấu heo và bệnh Xoắn khuẩn heo	- Lần 1: 6,5 tháng tuổi; Lần 2: 7,0 tháng tuổi (với heo hậu bị) - 12-14 ngày sau khi đẻ với heo nái nuôi con - Định kỳ tháng 3 và tháng 9 hàng năm với heo đực làm việc
16	Tiêm Ivermectin (tẩy ký sinh trùng heo)	- 80 - 90 ngày tuổi - Định kỳ 6 tháng/lần với heo đực làm việc và heo nái

Lưu ý: Mỗi lần tiêm vắc xin có thể tiêm thêm thuốc chống sốc phản vệ, vitamin, thuốc bổ trợ sức khỏe.

Phụ lục 5**Loại vật nuôi và số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai**

(Theo mẫu phụ lục 2 Thông tư số 23 /2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng
I	Gia súc		
1	Trâu	Con	01
2	Bò	Con	01
3	Ngựa	Con	01
4	Dê	Con	05
5	Cừu	Con	05
6	Thỏ	Con	25
7	Heo thịt	Con	05
8	Heo nái	Con	01
9	Heo đực giống	Con	01
II	Gia cầm		
1	Gà	Con	20
2	Vịt	Con	20
3	Ngan	Con	20
4	Ngỗng	Con	20
5	Đà điểu	Con	01
6	Chim cú	Con	100
7	Bò câu	Con	30
III	Động vật khác		
1	Hươu sao	Con	01
2	Chim yến	Nhà	01
3	Ong mật	Đàn	15
4	Chó	Con	01
5	Mèo	Con	01
6	Dông	Con	10
7	Vịt trời	Con	20
8	Dế	m ²	05
9	Bò cạp	m ²	01
10	Tằm	Ô	50
11	Giun quế (trùn quế)	m ²	05
12	Rồng đất	Con	50

Phụ lục 6**Mẫu kê khai hoạt động chăn nuôi**

(Theo mẫu phụ lục 3 Thông tư số 23 /2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên chủ hộ:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại (nếu có):.....,

Số TT	Loại vật nuôi trong quý	Đơn vị tính	Số lượng nuôi trong quý	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong quý (con)	Sản lượng vật nuôi xuất trong quý (kg)	Ghi chú
1									
2									
...									

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi nộp bản kê khai trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử, email, fax.

....., ngày ... tháng ... năm

Họ và tên chủ hộ
(Ký, ghi rõ họ tên)